HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2022/NQ-HĐND	*Bắc Kạn, ngày 19 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh số 100/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022; Số 107/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu *(UBTVQH)*;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, KH&ĐT;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Xây dựng, Tài chính, KH&ĐT
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL *(Bộ Tư pháp)*;
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện *(Thành)* ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Phương Thị Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Quy định cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

Chương 2
CƠ CHẾ LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA; GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC

Điều 3. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn

1. Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện.

2. Đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ, tổng mức vốn được giao của từng chương trình, dự án; giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung; tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

3. Việc lồng ghép các nguồn vốn phải phù hợp với nội dung từng chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với nội dung các chương trình, dự án khác triển khai trên địa bàn, trong đó lấy mục tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới làm trung tâm để thực hiện lồng ghép.

4. Quá trình lồng ghép phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.

5. Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Xác định rõ mức vốn của từng chương trình, dự án đưa vào lồng ghép; trong chương trình, dự án được lồng ghép xác định rõ mức vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn huy động, đóng góp khác để thực hiện chương trình, dự án; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; trong cùng nội dung, hoạt động lồng ghép thực hiện theo định mức chi của nguồn vốn có tỷ trọng lớn nhất (vốn sự nghiệp); thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế của địa phương.

7. Vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện chương trình mang tính hỗ trợ; vốn ngân sách huyện, xã căn cứ theo khả năng cân đối; huy động tối đa sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân, người dân trên địa bàn theo nguyên tắc tự giác, tự nguyện, công khai, minh bạch, huy động bằng nhiều hình thức.

Điều 4. Nội dung và nguồn vốn thực hiện lồng ghép

1. Nội dung thực hiện lồng ghép:

a) Dự án đầu tư.

b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

đ) Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

2. Các nguồn vốn thực hiện lồng ghép:

a) Vốn ngân sách nhà nước:

- Nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn.

- Nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

b) Vốn tín dụng.

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác: Vốn đóng góp tự nguyện của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức lồng ghép nguồn vốn

1. Sử dụng các nguồn vốn để thực hiện cùng một dự án, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Sử dụng các nguồn vốn để thực hiện các dự án, nội dung, hoạt động khác nhau có cùng mục tiêu và trên cùng địa bàn cấp xã, cấp huyện.

Điều 6. Phạm vi thực hiện lồng ghép của các nguồn vốn

1. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó ưu tiên thực hiện tại địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu *(ATK)*.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện tại các xã, thôn không thuộc vùng đặc biệt khó khăn và huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 *(không bao gồm các xã được đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)*. Riêng nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 thực hiện trên địa bàn các xã thuộc tỉnh.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trong đó trọng tâm tại các huyện nghèo.

4. Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương: Tùy theo mục tiêu, nhiệm vụ được ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện lồng ghép vào các dự án, nội dung, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia cho phù hợp.

5. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức *(ODA)* trên địa bàn: Tùy theo mục tiêu, yêu cầu của nhà tài trợ đối với từng nguồn vốn để thực hiện lồng ghép vào các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia cho phù hợp.

6. Nguồn ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã *(vốn đầu tư, sự nghiệp)*: Lồng ghép để thực hiện các dự án, nội dung, hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo tổng vốn đối ứng *(tính trên tổng nguồn ngân sách trung ương)* đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đồng thời, để lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án của địa phương.

7. Nguồn vốn tín dụng: Tùy theo mục đích vay của các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân để xác định lồng ghép vào các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng,…

8. Các nguồn vốn hợp pháp khác: Thực hiện lồng ghép trong các dự án, nội dung, hoạt động đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 7. Phương pháp lồng ghép các nguồn vốn

1. Dự án đầu tư

a) Thực hiện lồng ghép trong cùng dự án: Các dự án đầu tư liên xã, liên thôn có cùng mục tiêu, quy mô, đối tượng đầu tư được sử dụng từ 02 nguồn vốn khác nhau trở lên thì thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đạt được mục tiêu của dự án.

b) Thực hiện lồng ghép trong cùng phạm vi địa bàn: Trên cùng một địa bàn huyện, xã, thôn được đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau, thì lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án nhằm đạt mục tiêu chung trên địa bàn.

2. Các nội dung, hoạt động sử dụng kinh phí sự nghiệp

a) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:

- Thực hiện lồng ghép trong cùng dự án, hoạt động: Lồng ghép các nguồn vốn có cùng phạm vi thực hiện để thực hiện dự án, hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thực hiện lồng ghép trong cùng phạm vi địa bàn: Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các dự án, hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm đạt được mục tiêu chung trên địa bàn.

b) Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia:

- Hoạt động đào tạo, tập huấn: Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện một hoặc một số lớp đào tạo, tập huấn có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện, tránh xảy ra trường hợp nhiều đơn vị cùng đào tạo, tập huấn một nội dung, cho một nhóm đối tượng.

- Hoạt động thông tin tuyên truyền: Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện một hoặc một số hoạt động thông tin tuyên truyền có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện; tránh xảy ra trường hợp nhiều đơn vị cùng thực hiện một hình thức tuyên truyền có cùng nội dung thông tin.

c) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

- Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong trường hợp thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành và tổ chức thực hiện một hoặc một số hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện.

d) Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có): Trường hợp phát sinh các nội dung, hoạt động có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện phải thực hiện lồng ghép các nguồn vốn theo quy định.

Điều 8. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép; phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép; phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép.

Chương 3
CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN TÍN DỤNG VÀ NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 9. Các nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng: Gồm vốn cho vay của ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng, vốn ngân sách nhà nước các cấp ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội.

2. Nguồn vốn hợp pháp khác: Nguồn vốn đóng góp tự nguyện của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng

1. Nguồn vốn cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thông qua các chính sách tín dụng ưu đãi để vay thực hiện các hoạt động, chương trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội: Hàng năm, căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy mô và bố trí vốn ngân sách cấp mình quản lý ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cùng cấp để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 11. Cơ chế huy động các nguồn vốn hợp pháp khác

1. Nội dung, tỷ lệ huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai dự án, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Huy động, thu hút tối đa các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, người dân tham gia các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác nhằm thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Việc huy động vốn đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, người dân bảo đảm phải trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật; phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn của từng địa phương, được bàn bạc dân chủ, được sự đồng tình và nhất trí của người dân, tuyệt đối không được yêu cầu nhân dân đóng góp bắt buộc.

4. Đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, người dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền và phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích; được tính đầy đủ trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

5. Việc huy động nguồn lực gắn với các dự án chỉ sử dụng một nguồn vốn hoặc dự án lồng ghép có chung mục tiêu, đối tượng trên địa bàn phải dựa trên cơ sở thỏa thuận rõ về sự tham gia vào quá trình thẩm định, phê duyệt, thủ tục hạch toán, đối ứng, quản lý tài chính đối với phần vốn góp của các bên đóng góp để khuyến khích góp vốn chung. Giá trị huy động các nguồn lực khác phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán và phải được theo dõi, đánh giá.

Chương 4
TỶ LỆ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ

Điều 12. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện cơ chế đặc thù

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 13. Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 chung cả tỉnh tối thiểu là 70% trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do Uỷ ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý, điều hành./.